

Số: 16 /2021/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 18 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ
trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 763/TTr-SCT ngày 14 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại các chợ được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, đơn vị được nhà nước giao nhiệm vụ quản lý chợ; các tổ chức, cá nhân đầu tư, quản lý chợ bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước (gọi chung là đơn vị quản lý chợ).

b) Các tổ chức, cá nhân sử dụng diện tích bán hàng tại chợ để kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ.

Điều 2. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ

1. Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

2. Giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

(Vị trí điểm kinh doanh tại các chợ có sơ đồ kèm theo)

Điều 3. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ

1. Các đơn vị quản lý chợ phải thực hiện ký hợp đồng với thương nhân kinh doanh tại các điểm kinh doanh cố định và sử dụng hóa đơn, chứng từ thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo quy định; sử dụng vé chợ đối với điểm kinh doanh không cố định.

2. Đối với chợ được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước: Nguồn thu từ giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, phần còn lại sử dụng để bù đắp

chi phí phục vụ công tác quản lý (bao gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo lương và các khoản chi phí hợp lý khác), chi phí duy tu, sửa chữa, nâng cấp chợ, đảm bảo công tác giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, công tác phòng cháy, chữa cháy.

3. Đối với chợ được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước: Đơn vị quản lý chợ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn thu và thực hiện nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị quản lý chợ triển khai thực hiện quy định về giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp đề xuất của các cơ quan, đơn vị về điều chỉnh phương án giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ khi có sự thay đổi chính sách và biến động về chỉ số giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị quản lý chợ triển khai thực hiện quy định về giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh.

3. Cục Thuế tỉnh

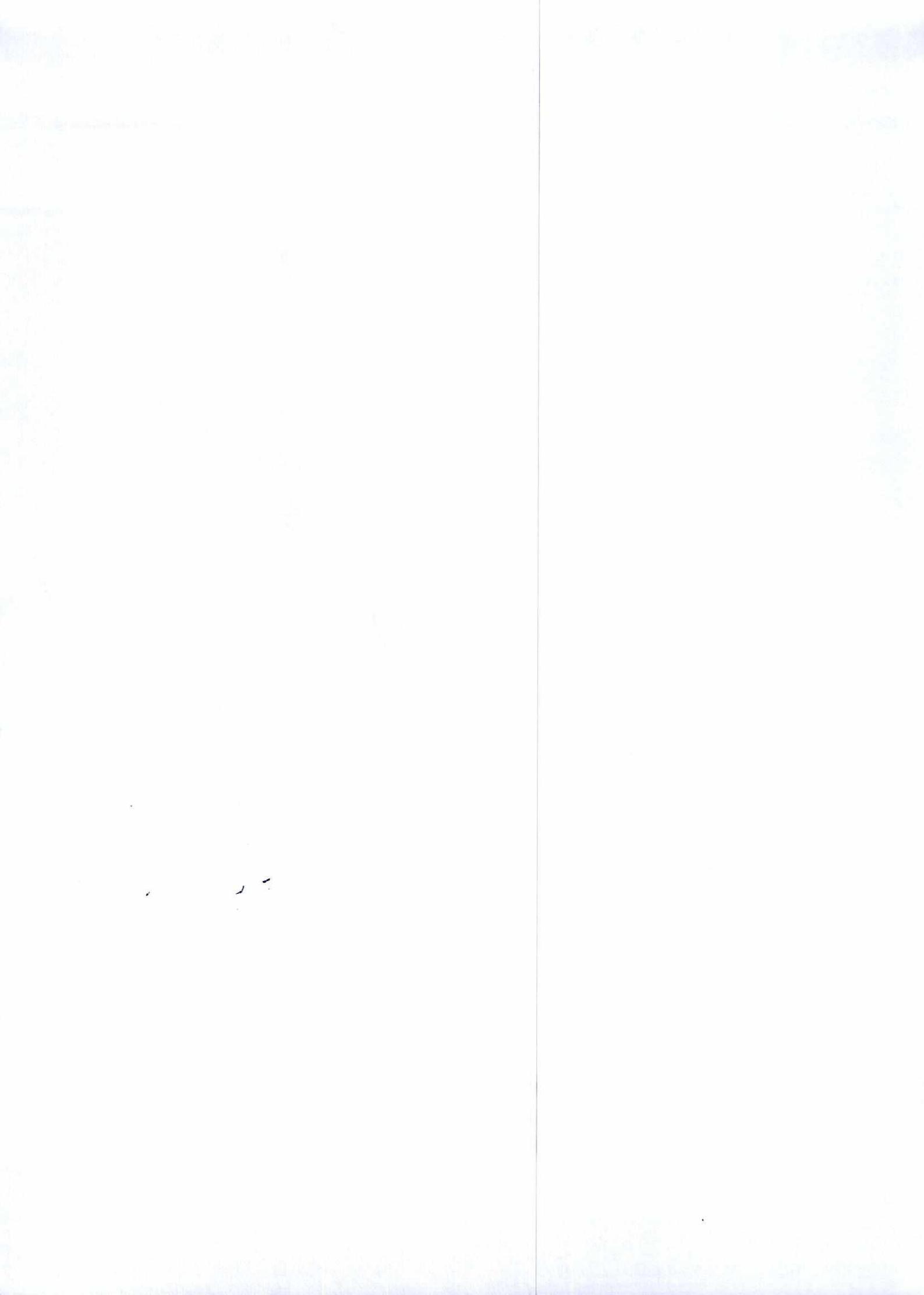
Chỉ đạo các Chi cục thuế hướng dẫn đơn vị quản lý chợ thực hiện việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ có liên quan đến việc thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các đơn vị quản lý chợ trên địa bàn triển khai thực hiện Quyết định này. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc áp dụng mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ.

5. Các đơn vị quản lý chợ

a) Các đơn vị quản lý chợ được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước thực hiện thông báo, niêm yết công khai mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng



tại chợ; thu đúng đối tượng, đúng mức giá quy định tại Quyết định này; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

b) Các đơn vị quản lý chợ được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện kê khai giá dịch vụ diện tích bán hàng tại chợ theo quy định quản lý nhà nước về giá; thực hiện thông báo, niêm yết công khai mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; thu đúng đối tượng, đúng mức giá quy định tại Quyết định này; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

c) Các đơn vị quản lý chợ thực hiện thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ phải mở sổ sách kê toán để theo dõi, phản ánh việc thu nộp và quản lý nguồn thu theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 và thay thế Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Noi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương; Tài chính, Tư pháp;
- Cục KT VBQGPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lai Châu, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm THCB tỉnh;
- Lưu: VT, KT5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng A Tính



Phụ lục I

**Giá cùi chè dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư
bằng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá cùi chè
I	Thành phố Lai Châu		
I	Chợ phường Tân Phong I		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Vị trí kinh doanh trong nhà chợ	Đồng/1m ² /tháng	27.000
	Vị trí kinh doanh tại các ki ốt do hộ kinh doanh đầu tư xây dựng	Đồng/1m ² /tháng	23.000
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
2	Chợ phường Tân Phong II		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Vị trí kinh doanh trong nhà chợ	Đồng/1m ² /tháng	10.000
	Vị trí kinh doanh tại các ki ốt do hộ kinh doanh đầu tư xây dựng	Đồng/1m ² /tháng	2.000
b	Vị trí kinh doanh không cố định không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
3	Chợ xã San Thàng		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Vị trí kinh doanh tại các ki ốt (khu số 9)	Đồng/1m ² /tháng	22.000
	Vị trí kinh doanh trong nhà chợ (khu số 1)	Đồng/1m ² /tháng	22.000
	Vị trí kinh doanh hàng thịt trong nhà chợ (khu số 4)	Đồng/1m ² /tháng	22.000
b	Vị trí kinh doanh không cố định		
	Vị trí kinh doanh hàng nông sản trong nhà chợ (khu số 4)	Đồng/1m ² /buổi	2.000
	Vị trí bán hàng nông sản không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
II	Huyện Sìn Hồ		
I	Chợ thị trấn Sìn Hồ (chợ cũ)		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Ki ốt số 01, 02 dãy 01; Ki ốt từ số 82 đến số 88 dãy C.	Đồng/1m ² /tháng	33.068
	Ki ốt số 03 dãy 01; Ki ốt số 06, 07 dãy 02;	Đồng/1m ² /tháng	29.078

STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể
	Ki ốt từ số 46 đến số 53 dãy A1.		
	Ki ốt số 04, 05 dãy 01; Ki ốt từ số 10 đến số 16 dãy 03.	Đồng/1m ² /tháng	35.015
	Ki ốt số 08 dãy 02	Đồng/1m ² /tháng	40.076
	Ki ốt số 09 dãy 02	Đồng/1m ² /tháng	36.085
	Ki ốt từ số 17 đến số 25 dãy 03	Đồng/1m ² /tháng	32.095
	Ki ốt từ số 26 đến số 45 dãy 03	Đồng/1m ² /tháng	27.034
	Ki ốt từ số 54 đến số 62 dãy A1	Đồng/1m ² /tháng	28.007
	Ki ốt từ số 63 đến số 65 dãy A2; Vị trí kinh doanh từ số 94 đến số 100 dãy B2.	Đồng/1m ² /tháng	26.061
	Ki ốt từ số 66 đến số 68 dãy A2; Vị trí kinh doanh từ số 101 đến số 103 dãy B1.	Đồng/1m ² /tháng	24.017
	Ki ốt từ số 69 đến số 81 dãy D	Đồng/1m ² /tháng	49.030
	Vị trí kinh doanh từ số 89 đến số 93 dãy B3	Đồng/1m ² /tháng	31.024
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
2	Chợ trung tâm xã Nậm Cuối		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Ki ốt số 01 dãy 01; ki ốt số 01, 02 dãy 03.	Đồng/1m ² /tháng	5.000
	Ki ốt từ số 02 đến số 06 dãy 01; Ki ốt số 05 dãy 03.	Đồng/1m ² /tháng	4.400
	Ki ốt từ số 01 đến số 05 dãy 02; Ki ốt số 03, 04 dãy 03.	Đồng/1m ² /tháng	3.000
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
3	Chợ trung tâm xã Pa Tần		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Các ki ốt loại 1	Đồng/1m ² /tháng	15.000
	Các ki ốt loại 2	Đồng/1m ² /tháng	12.000
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
III	Huyện Tam Đúòng		
1	Chợ thị trấn Tam Đúòng		
a	Vị trí kinh doanh cố định trong nhà chợ chính		
	Ki ốt từ số 01 đến số 18; Ki ốt số 26, 27; Ki ốt từ số 35 đến số 37; Ki ốt từ số 53 đến số 60; Ki ốt từ số 76 đến số 99; Ki ốt số 105,106,112.	Đồng/1m ² /tháng	64.570

STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể
	Ki ốt từ số 19 đến số 25; Ki ốt từ số 28 đến số 34; Ki ốt số 38, 40, 41, 44, 45, 48, 49, 52, 61, 64, 65, 68, 69, 72, 73, 75; Ki ốt từ số 100 đến số 104; Ki ốt từ số 107 đến số 111.	Đồng/1m ² /tháng	58.700
	Ki ốt số 39, 42, 43, 46, 47, 50, 51, 62, 63, 66, 67, 70, 71, 74	Đồng/1m ² /tháng	52.830
b	Vị trí kinh doanh cố định trong nhà chợ số 1, số 2, số 3.	Đồng/1m ² /tháng	46.960
c	Vị trí kinh doanh cố định tại các ki ốt do hộ kinh doanh đầu tư	Đồng/1m ² /tháng	27.000
d	Vị trí kinh doanh cố định tại nhà sàn	Đồng/1m ² /tháng	24.000
đ	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
2	<i>Chợ trung tâm xã Bản Bo (mới chỉ đầu tư sân bê tông, không có nhà chợ)</i>	Đồng/1m ² /buổi	1.000
3	<i>Chợ trung tâm xã Thèn Sin (mới chỉ đầu tư sân bê tông, không có nhà chợ)</i>	Đồng/1m ² /buổi	1.000
IV	Huyện Than Uyên		
1	Chợ trung tâm thị trấn Than Uyên		
a	Vị trí kinh doanh tại các ki ốt		
	Ki ốt từ A1 đến A4 Ki ốt A9; A10	Đồng/1m ² /tháng	72.000
	Ki ốt A5	Đồng/1m ² /tháng	85.000
	Ki ốt A6	Đồng/1m ² /tháng	78.000
	Ki ốt A7	Đồng/1m ² /tháng	74.000
	Ki ốt A8	Đồng/1m ² /tháng	72.000
	Ki ốt E1	Đồng/1m ² /tháng	31.000
	Ki ốt E2	Đồng/1m ² /tháng	27.000
	Ki ốt E3	Đồng/1m ² /tháng	43.000
	Ki ốt E4	Đồng/1m ² /tháng	42.000
	Ki ốt E5	Đồng/1m ² /tháng	49.000
	Ki ốt E6; E7	Đồng/1m ² /tháng	32.000
	Ki ốt E8	Đồng/1m ² /tháng	39.000
	Ki ốt E9; E15	Đồng/1m ² /tháng	37.000
	Ki ốt E10	Đồng/1m ² /tháng	28.000
	Ki ốt E11	Đồng/1m ² /tháng	41.000
	Ki ốt E12	Đồng/1m ² /tháng	50.000

STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể
	Ki ốt E13	Đồng/1m ² /tháng	51.000
	Ki ốt E14	Đồng/1m ² /tháng	37.000
	Ki ốt E16	Đồng/1m ² /tháng	32.000
	Ki ốt A21, A26, A30, A31	Đồng/1m ² /tháng	31.000
	Ki ốt A22	Đồng/1m ² /tháng	23.000
	Ki ốt A23, A39	Đồng/1m ² /tháng	25.000
	Ki ốt A24	Đồng/1m ² /tháng	29.000
	Ki ốt A25	Đồng/1m ² /tháng	40.000
	Ki ốt A27	Đồng/1m ² /tháng	26.000
	Ki ốt A28	Đồng/1m ² /tháng	32.000
	Ki ốt A29, A32	Đồng/1m ² /tháng	24.000
	Ki ốt A33	Đồng/1m ² /tháng	32.000
	Ki ốt A34	Đồng/1m ² /tháng	38.000
	Ki ốt A35, A36	Đồng/1m ² /tháng	45.000
	Ki ốt A37	Đồng/1m ² /tháng	36.000
	Ki ốt A38	Đồng/1m ² /tháng	32.000
	Ki ốt A40	Đồng/1m ² /tháng	30.000
	Ki ốt H1	Đồng/1m ² /tháng	30.000
	Ki ốt H2	Đồng/1m ² /tháng	51.000
	Ki ốt H3	Đồng/1m ² /tháng	45.000
	Ki ốt H4	Đồng/1m ² /tháng	63.000
	Ki ốt H5	Đồng/1m ² /tháng	20.000
	Ki ốt H6, H8	Đồng/1m ² /tháng	34.000
	Ki ốt H7	Đồng/1m ² /tháng	60.000
	Ki ốt ĐH 1, ĐH 2	Đồng/1m ² /tháng	69.000
	Ki ốt ĐH 3, ĐH 4	Đồng/1m ² /tháng	57.000
	Ki ốt từ A11 đến A20	Đồng/1m ² /tháng	80.000
	Ki ốt từ D1 đến D4	Đồng/1m ² /tháng	50.000
	Ki ốt D5, D6	Đồng/1m ² /tháng	46.000
	Ki ốt từ D7 đến D12	Đồng/1m ² /tháng	38.000
	Ki ốt từ O1 đến O64	Đồng/1m ² /tháng	41.000
	Ki ốt X1, X2	Đồng/1m ² /tháng	90.000
	Ki ốt từ G1 đến G6	Đồng/1m ² /tháng	80.000
	Ki ốt từ B1 đến B7	Đồng/1m ² /tháng	33.000

STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá cù thê
b	Vị trí kinh doanh tại khu vực thực phẩm tươi sống có mái che		
	Vị trí kinh doanh thịt	Đồng/1m ² /tháng	57.000
	Vị trí kinh doanh cá	Đồng/1m ² /tháng	46.000
2	Chợ trung tâm xã Mường Than		
a	Vị trí kinh doanh tại các ki ốt		
	Ki ốt số 01, 11	Đồng/1m ² /tháng	36.000
	Ki ốt số 02, 12	Đồng/1m ² /tháng	30.000
	Ki ốt số 03, 13	Đồng/1m ² /tháng	25.000
	Ki ốt số 04, 14, 15	Đồng/1m ² /tháng	22.000
	Ki ốt số 05	Đồng/1m ² /tháng	20.000
	Ki ốt số 06, 16	Đồng/1m ² /tháng	17.000
	Ki ốt số 07, 17	Đồng/1m ² /tháng	15.000
	Ki ốt từ số 08 đến số 10; Ki ốt từ số 18 đến số 20.	Đồng/1m ² /tháng	12.000
b	Vị trí kinh doanh tại khu A, B, C, D		
	Vị trí kinh doanh A1, A6	Đồng/1m ² /tháng	32.000
	Vị trí kinh doanh A2, A3, A7, A8	Đồng/1m ² /tháng	27.000
	Vị trí kinh doanh A4, A5, A9, A10	Đồng/1m ² /tháng	23.000
	Vị trí kinh doanh B1, B6	Đồng/1m ² /tháng	32.000
	Vị trí kinh doanh B2, B3, B7, B8	Đồng/1m ² /tháng	27.000
	Vị trí kinh doanh B4, B5, B9, B10	Đồng/1m ² /tháng	23.000
	Vị trí kinh doanh C1, C5	Đồng/1m ² /tháng	20.000
	Vị trí kinh doanh C2, C3, C4, C6, C7, C8	Đồng/1m ² /tháng	17.000
	Vị trí kinh doanh D1, D5	Đồng/1m ² /tháng	20.000
	Vị trí kinh doanh D2, D3, D4, D6, D7, D8	Đồng/1m ² /tháng	17.000
V	Huyện Phong Thổ		
I	Chợ thị trấn Phong Thổ		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Vị trí kinh doanh tại khu A, B	Đồng/1m ² /tháng	33.252
	Vị trí kinh doanh tại khu C	Đồng/1m ² /tháng	30.694
	Vị trí kinh doanh tại khu E	Đồng/1m ² /tháng	28.136
	Vị trí kinh doanh tại khu G, D, F	Đồng/1m ² /tháng	12.789
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000

STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể
2	Chợ trung tâm xã Mường So		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Vị trí kinh doanh từ số 01 đến số 23	Đồng/1m ² /tháng	76.250
	Vị trí kinh doanh số 24, 25, 33, 35, 44, 45, 54 Vị trí kinh doanh từ số 48 đến số 50; Vị trí kinh doanh từ số 26 đến số 31.	Đồng/1m ² /tháng	56.572
	Vị trí kinh doanh từ số 37 đến số 43; Vị trí kinh doanh số 32, 34, 36, 51, 52, 53.	Đồng/1m ² /tháng	29.516
	Vị trí kinh số 46, 47	Đồng/1m ² /tháng	44.274
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
3	Chợ trung tâm xã Dao San		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Ki ốt từ số 29 đến số 32; Ki ốt số 39.	Đồng/1m ² /tháng	24.975
	Ki ốt số 3; Ki ốt từ số 16 đến số 28; Ki ốt từ số 33 đến số 38; Ki ốt từ số 41 đến số 46.	Đồng/1m ² /tháng	21.853
	Ki ốt số 2, 15; Ki ốt từ số 4 đến số 13.	Đồng/1m ² /tháng	20.292
	Vị trí kinh doanh số 48 đến số 64	Đồng/1m ² /tháng	23.414
	Ki ốt số 1, 14, 40, 47, Vị trí kinh doanh từ số 67 đến số 81	Đồng/1m ² /tháng	24.975
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
4	Chợ trung tâm xã Vàng Ma Chải (chợ phiên)		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Vị trí kinh doanh cố định trong nhà chợ	Đồng/1m ² /tháng	4.000
	Vị trí kinh doanh tại các ki ốt do hộ kinh doanh đầu tư xây dựng	Đồng/1m ² /tháng	2.000
b	Vị trí kinh doanh không cố định		
	Vị trí kinh doanh quần áo, các mặt hàng gia dụng... không có mái che	Đồng/diem≤3m ² /buổi	10.000
	Vị trí kinh doanh nông sản không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
5	Chợ trung tâm xã Nậm Xe (chợ phiên)	Đồng/1m ² /buổi	1.000
6	Chợ trung tâm xã Sì Lở Lầu (chợ phiên)		
a	Vị trí kinh doanh cố định		



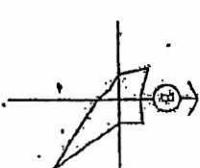
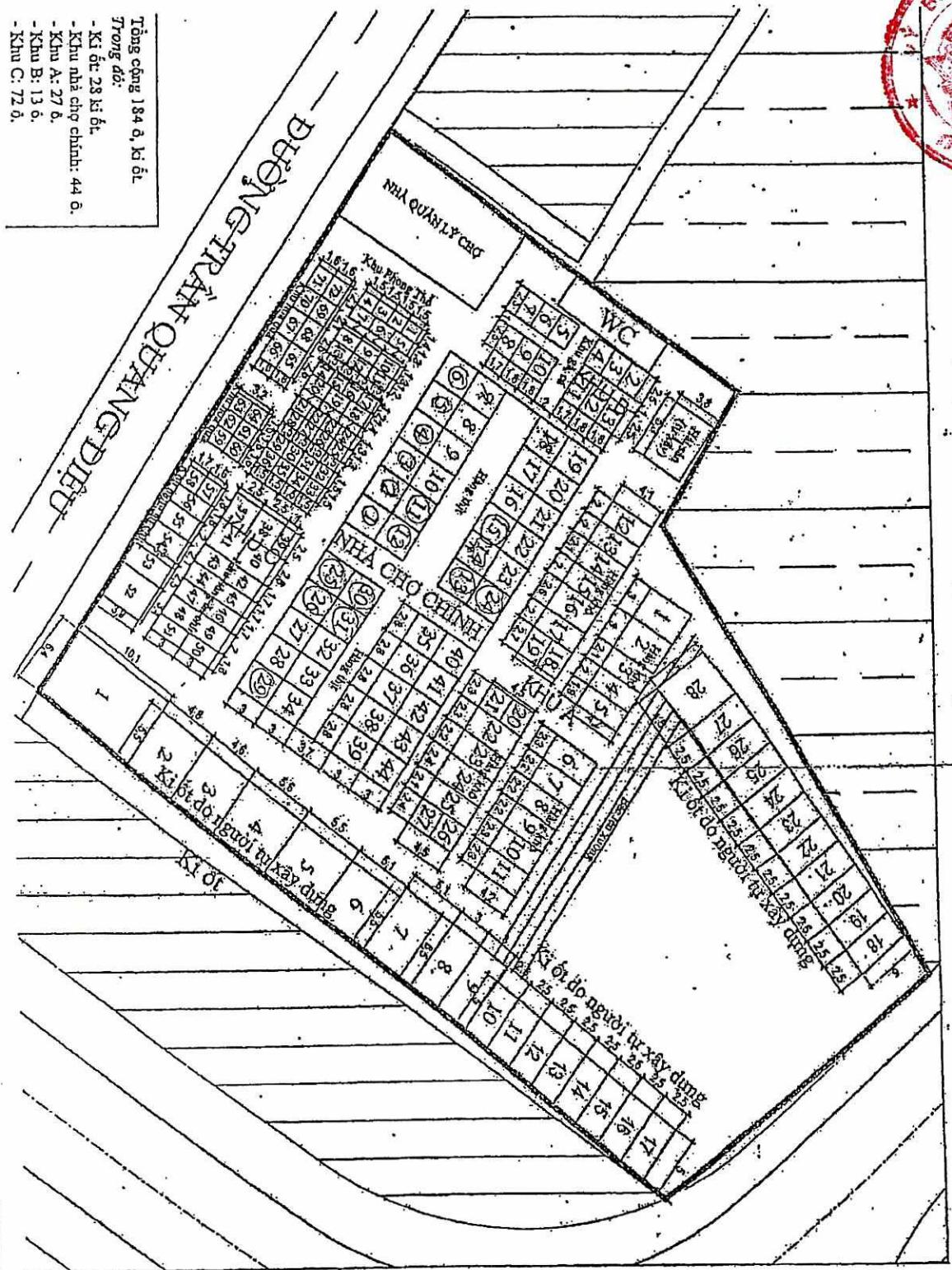
STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể
	Vị trí kinh doanh cố định trong nhà chợ	Đồng/1m ² /tháng	4.000
	Vị trí kinh doanh tại các ki ốt do hộ kinh doanh đầu tư xây dựng	Đồng/1m ² /tháng	2.000
b	Vị trí kinh doanh không cố định		
	Vị trí kinh doanh quần áo, các mặt hàng gia dụng... không có mái che	Đồng/diễn≤3m ² /buổi	10.000
	Vị trí kinh doanh nông sản không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000
VI	Huyện Mường Tè		
I	Chợ thị trấn Mường Tè		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Vị trí kinh doanh tại khu A	Đồng/1m ² /tháng	41.158
	Vị trí kinh doanh tại khu B	Đồng/1m ² /tháng	39.287
	Vị trí kinh doanh tại khu C	Đồng/1m ² /tháng	38.164
b	Vị trí kinh doanh không cố định, không có mái che	Đồng/1m ² /buổi	1.000

Phụ lục II

**Giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đấu tư bằng
vốn ngoại ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

STT	Tên chợ, vị trí	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1	Chợ đầu mối tỉnh		
a	Vị trí kinh doanh cố định		
	Nhà chợ chính (tầng 1)	Đồng/1m ² /tháng	170.737
	Nhà chợ chính (tầng 2)	Đồng/1m ² /tháng	166.337
	Nhà chợ thực phẩm	Đồng/1m ² /tháng	94.685
b	Vị trí kinh doanh không cố định	Đồng/1m ² /buổi	1.000
2	Chợ thị trấn Sìn Hồ (chợ mới)		
a	Vị trí kinh doanh cố định (trong nhà chợ chính)	Đồng/1m ² /tháng	91.350
b	Vị trí kinh doanh không cố định	Đồng/1m ² /buổi	1.000
3	Chợ thị trấn Tân Uyên		
a	Vị trí kinh doanh cố định trong nhà chợ chính	Đồng/1m ² /tháng	49.000
b	Vị trí kinh doanh cố định tại sân bê tông	Đồng/1m ² /tháng	32.286
c	Vị trí kinh doanh không cố định	Đồng/1m ² /buổi	1.000

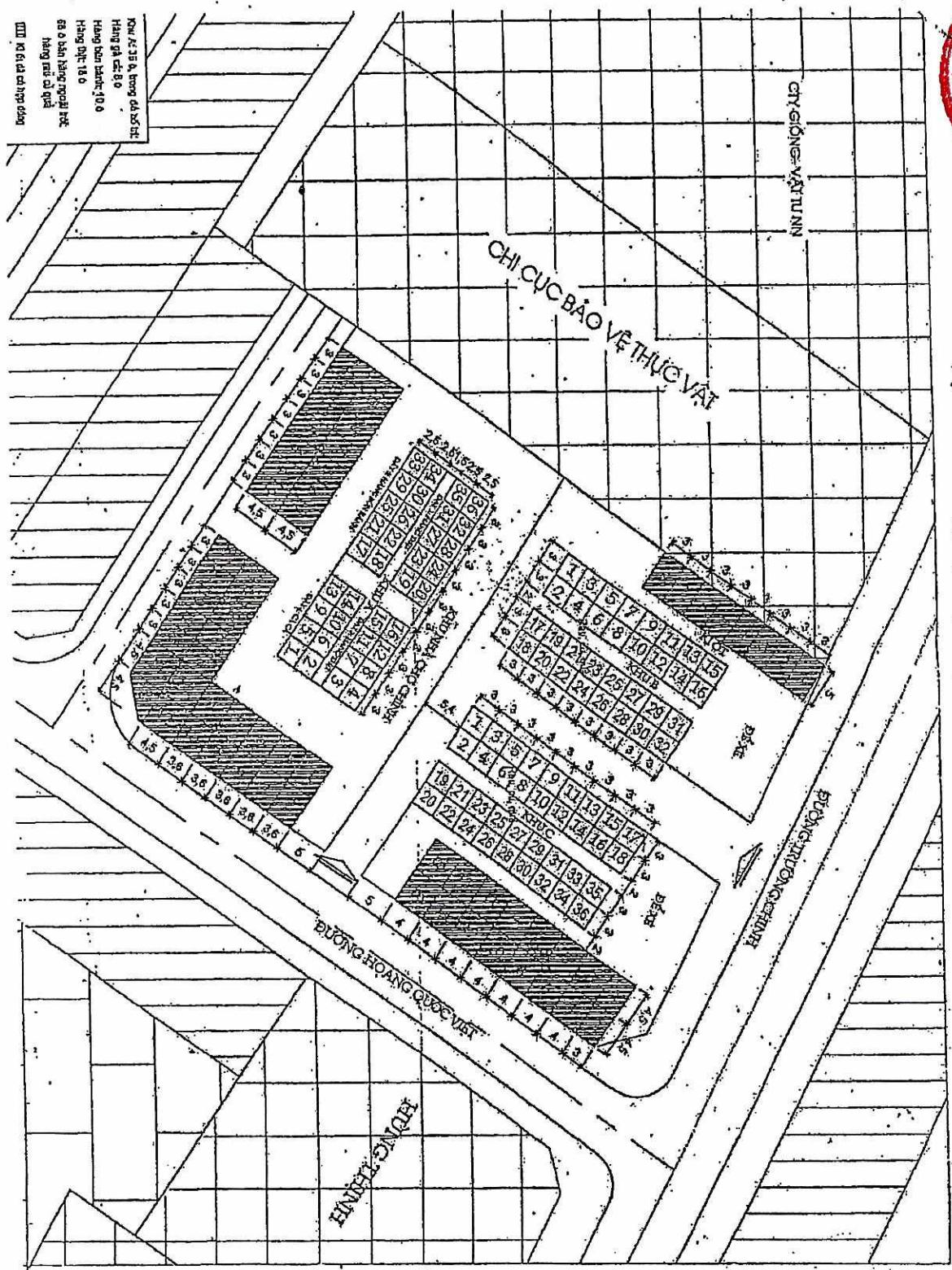
SƠ ĐỒ CHỢ PHƯỜNG TÂN PHONG I - THÀNH PHỐ LAI CHÂU
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 46/.../2021/QĐ-UBND ngày 5.năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)





SƠ ĐỒ CHỢ PHƯỜNG TÂN PHONG II - THÀNH PHỐ LAI CHÂU

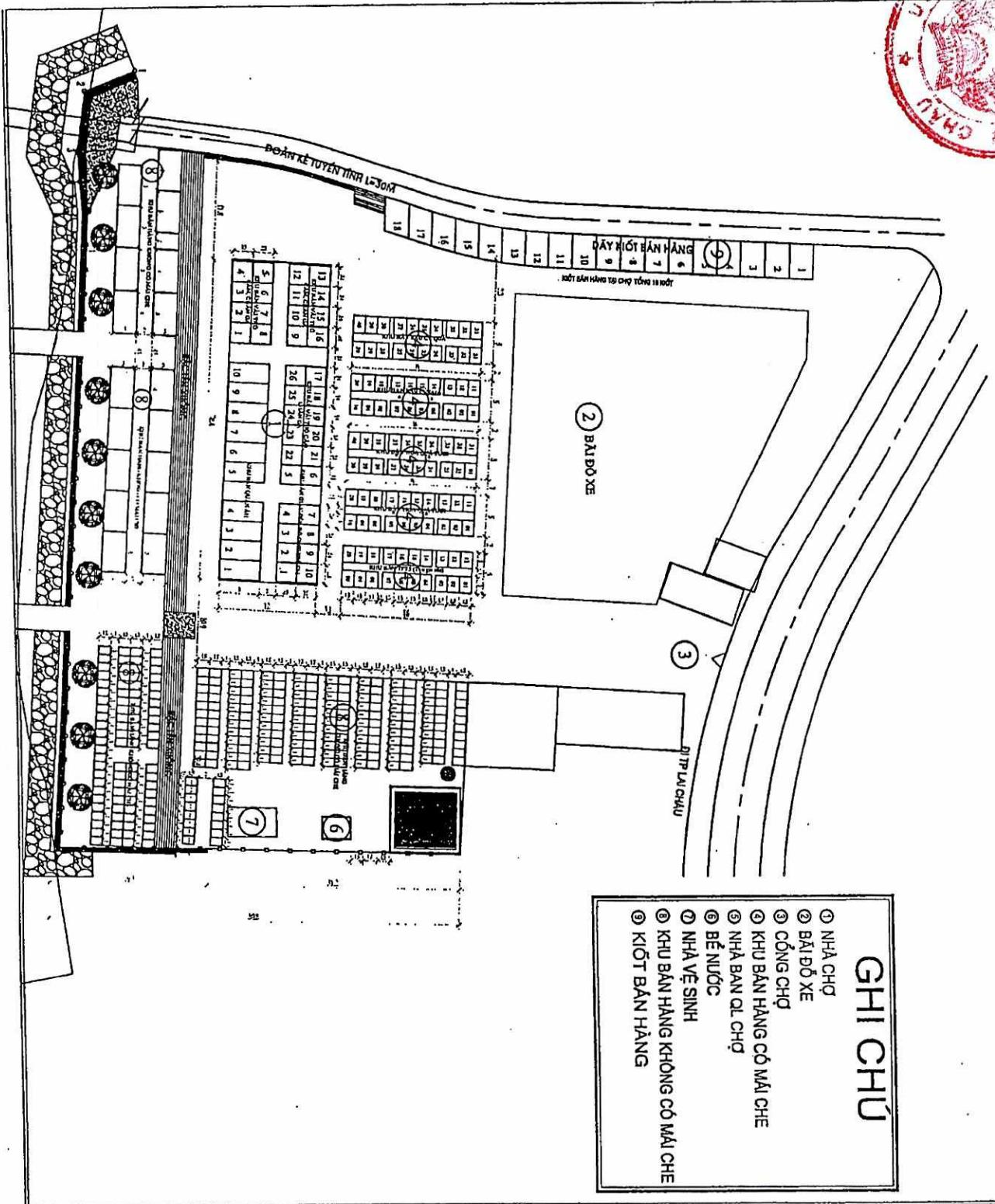
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/2021/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



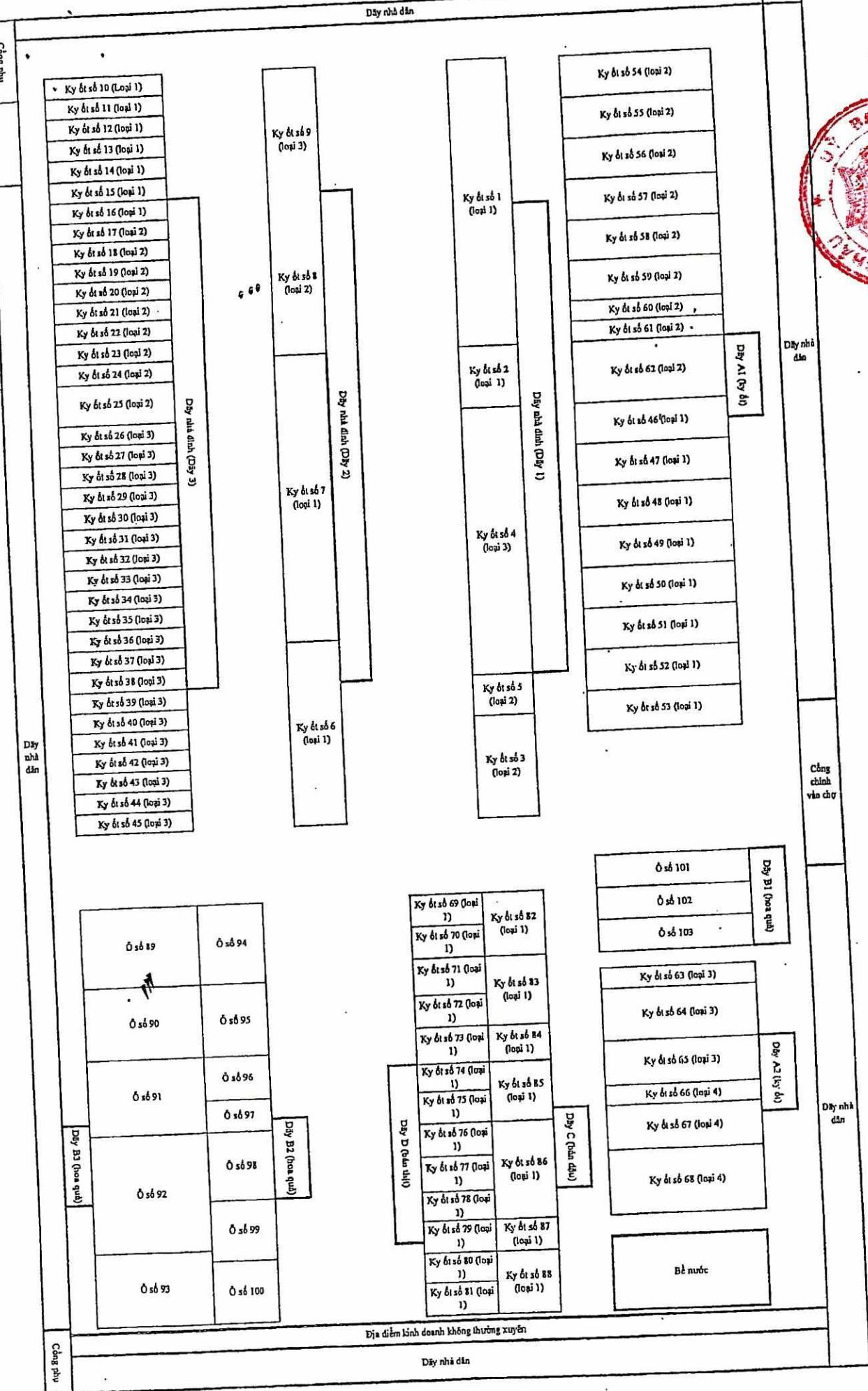
A07

SƠ ĐỒ CHỢ XÃ SAN THÀNG - THÀNH PHỐ LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



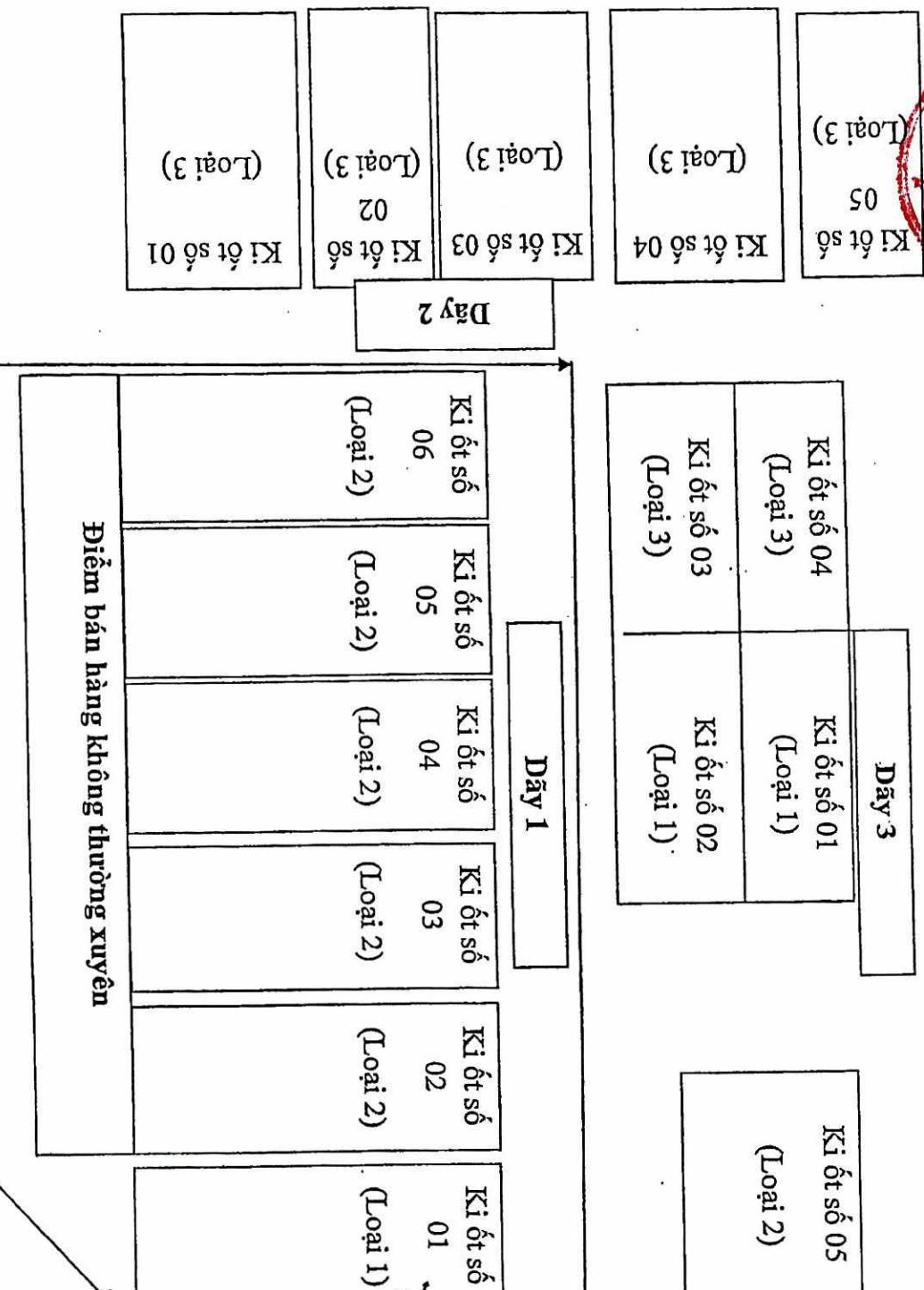
SƠ ĐỒ CHỢ THỊ TRẤN SÌN HỒ (CHỢ CŨ) - HUYỆN SÌN HỒ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16./2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



SƠ ĐỒ CHỢ XÃ NÂM CUỐI - HUYỆN SÌN HỒ



(Bản hành kèm theo Quyết định số: 16.../2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



Điểm bán hàng không thường xuyên

Ban hành kèm theo Quyết định số: 16./2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



SƠ ĐỒ CHỌT TRUNG TÂM XÃ PA TÂN - HUYỀN SÌN HỒ

(Tháng 5/2021)

Ki ốt loại 2					
--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

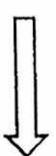
Ki ốt loại 1

Ki ốt loại 1

Ki ốt loại 1					
--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

Ki ốt loại 2

Công chay



Ki ốt loại 1

Ki ốt loại 1					
--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

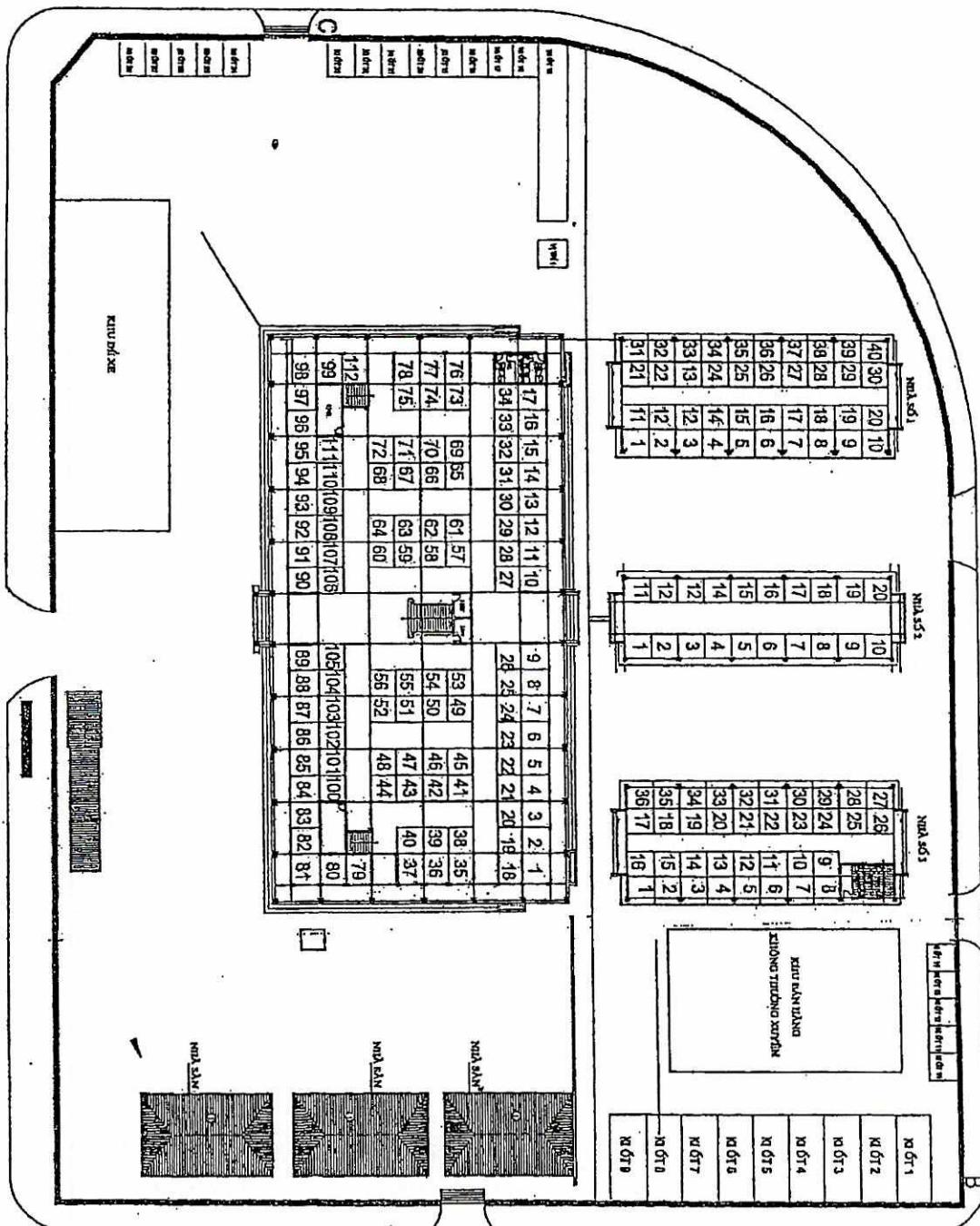
Ki ốt loại 2

Khu vực kinh doanh không thường xuyên

Khu vực kinh doanh không thường xuyên

SƠ ĐỒ CHỢ THỊ TRẤN TÂM ĐƯỜNG - HUYỆN TÂM ĐƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16./2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



SƠ ĐỒ CHỢ THỊ TRẤN THAN UYÊN - HUYỆN THAN UYÊN
 Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu



NGÕ 18 ĐƯỜNG NGUYỄN CHÍ THANH

B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7
----	----	----	----	----	----	----

KHU KINH DOANH HÀNG TƯƠI SỐNG (C1 - C38)			
CÔNG PHỤ		WC	

01	02	03	04	05
010	09	08	07	06

011	012	013	014	015
020	019	018	017	016

021	022
024	023
026	025
028	027

H1	A20	A19	A18	A17	A16
H2	A21	A22	A23	A24	A25

A15	A14	A13	A12	A11	H8
A26	A27	A28	A29	A30	H7

E5	E6	E7	E8
E12	E11	E10	E9

C1	G1
G2	G3

030	029
032	031

G4	G5
G6	CÔNG PHỤ

H3	A40	A39	A38	A37	A36
H4	A1	A2	A3	A4	A5

A35	A34	A33	A32	A31	H6
A6	A7	A8	A9	A10	H5

G1	G2
G3	G4

049	047	045	043	041	039	037	035	033
050	048	046	044	042	040	038	036	034

PHÒ LUÔNG ĐỊNH CỦA

DÂY KI ỐT BÁN HÀNG KIÈM NHÀ Ở	CÔNG PHỤ	DÂY KI ỐT BÁN HÀNG KIÈM NHÀ Ở
-------------------------------	----------	-------------------------------

X2

CÔNG CHÍNH

DÂY KI ỐT BÁN HÀNG KIÈM NHÀ Ở

X1

Đi lai châu

QUỐC LỘ 32

Đi Hà Nội

SƠ ĐỒ CHỌ XÃ MUÔNG THAN - HUYỆN THAN UYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /.../2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



NHÀ BAN QLC

BẾ NƯỚC

KHU VỰC VẬ SINH

Ki ốt 10
Ki ốt 09
Ki ốt 08
Ki ốt 07

D10
D9
D8
D7
D6

C5
C4
C3
C2
C1
C6

Ki ốt 20

Ki ốt 19

Ki ốt 18

Ki ốt 17

Ki ốt 16

Ki ốt 15

Ki ốt 14

Ki ốt 13

Ki ốt 12

Ki ốt 11

Ki ốt 06
Ki ốt 05
Ki ốt 04
Ki ốt 03
Ki ốt 02
Ki ốt 01

A10
A9
A8
A7
A6

B5
B4
B3
B2
B1

B10
B9
B8
B7
B6

CÔNG CHỐ

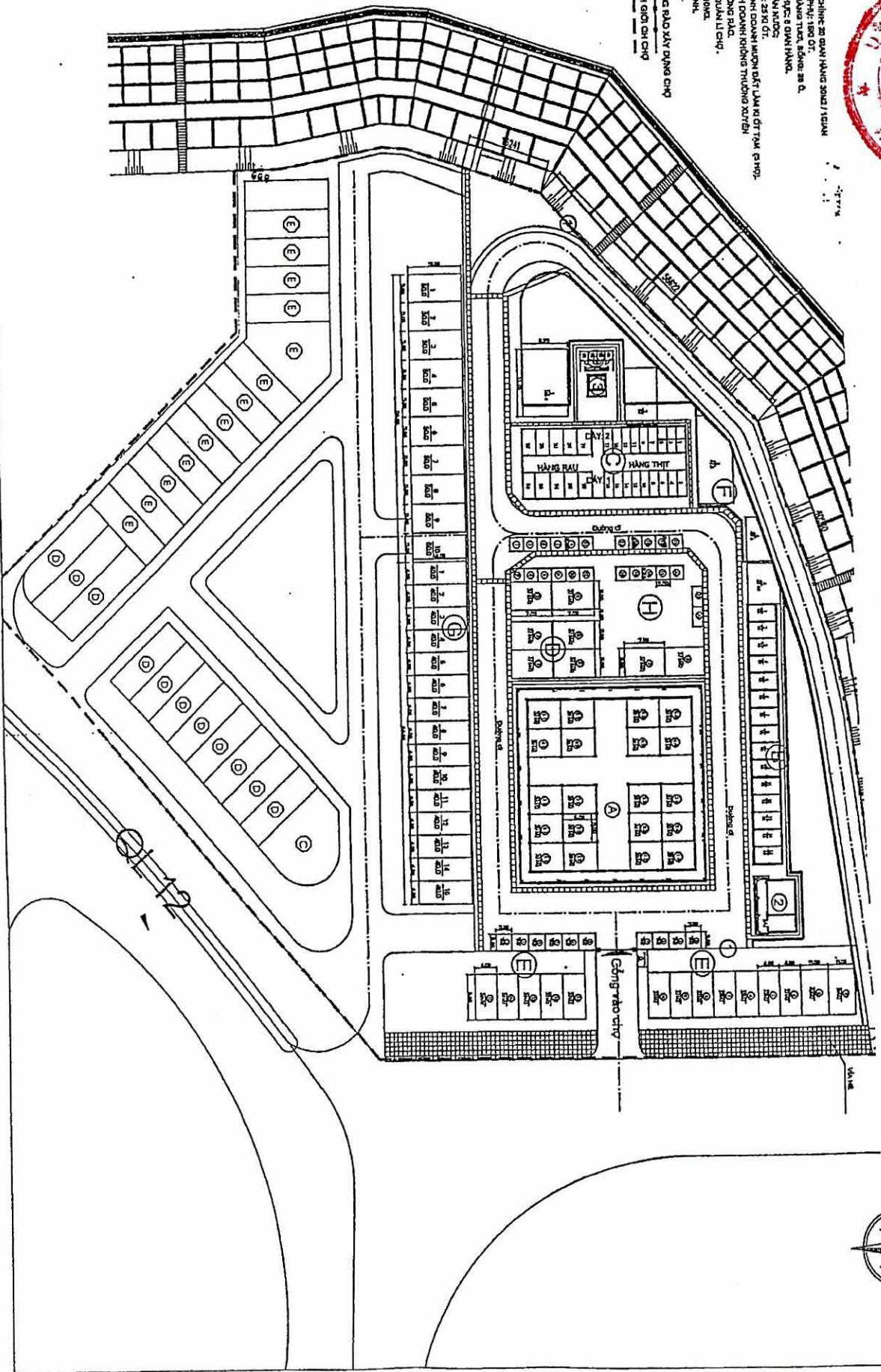
QUỐC LỘ 32

Đi Lai Châu

Đi Hà Nội

SƠ ĐỒ CHỢ THỊ TRẤN HUYỆN PHONG THỔ

(Bản hành kèm theo Quyết định số: 16./2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



SƠ ĐỒ CHỢ TRUNG TÂM XÃ MƯỜNG SO - HUYỆN PHONG THÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



VỊ TRÍ ĐẤT CHO CÁC HỘ KINH DOANH KHÔNG
THƯỜNG XUYÊN BÁN HÀNG

21	22	21	20	19	18	17
----	----	----	----	----	----	----

16	15	14	13	12	11	10	9	8	7	6	5	DÂY 1
45	44	43	42	41	40	39	38	37	3	4		DÂY 2
24	25	26	27	28	29	31	33	35	2			DÂY 3

DÂY 4

PHÍ CHỐNG CỎ

NGÔ VĂO CÁC HỘ GIA ĐÌNH

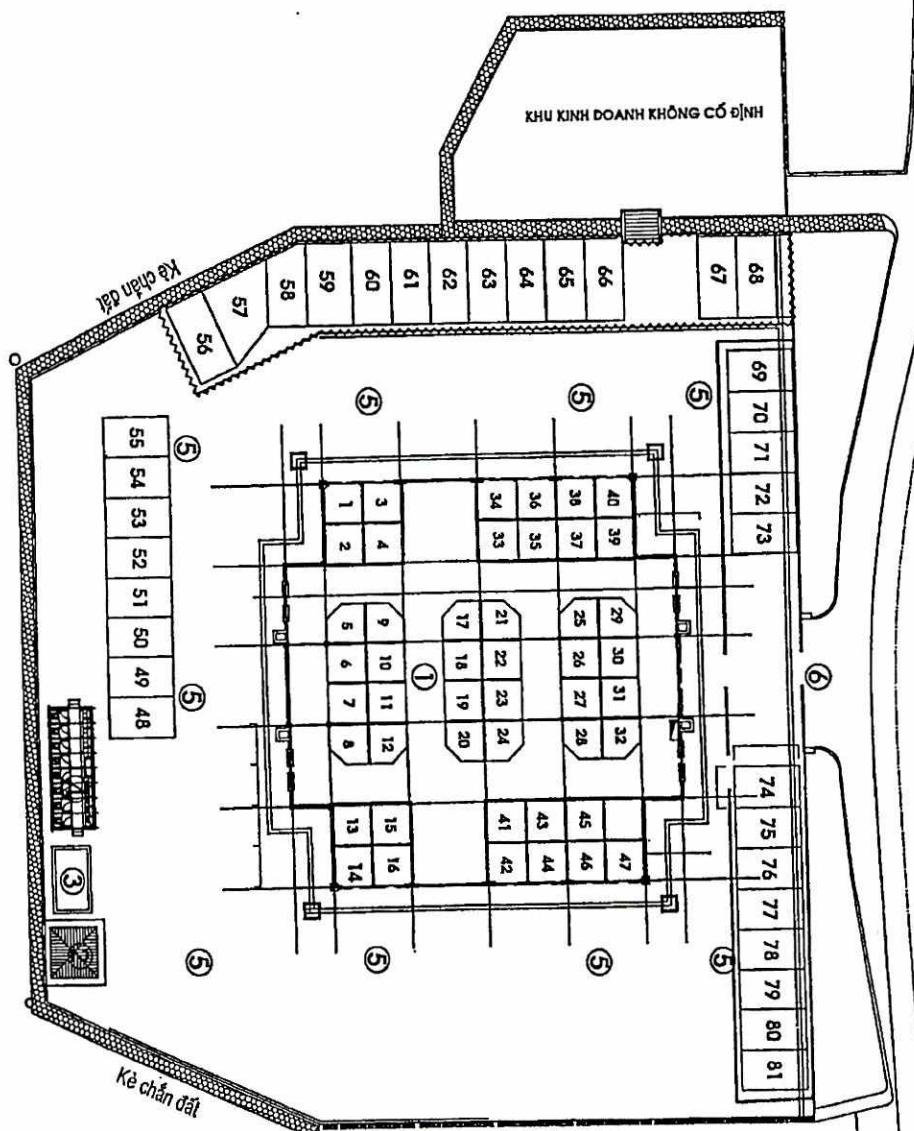
ĐỊA KÝ KHÔNG GIAO

SƠ ĐỒ CHỢ TRUNG TÂM XÃ DÀO SAN - HUYỆN PHONG THỔ
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: **16** /2021/QĐ-UBND ngày **18** tháng **5** năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



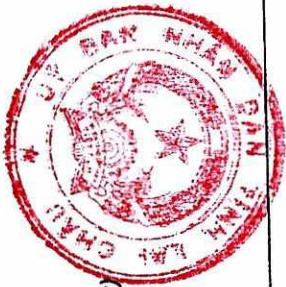
ĐỊA HÌNH

ĐIỂM LƯNG



CHÚ GIẢI:

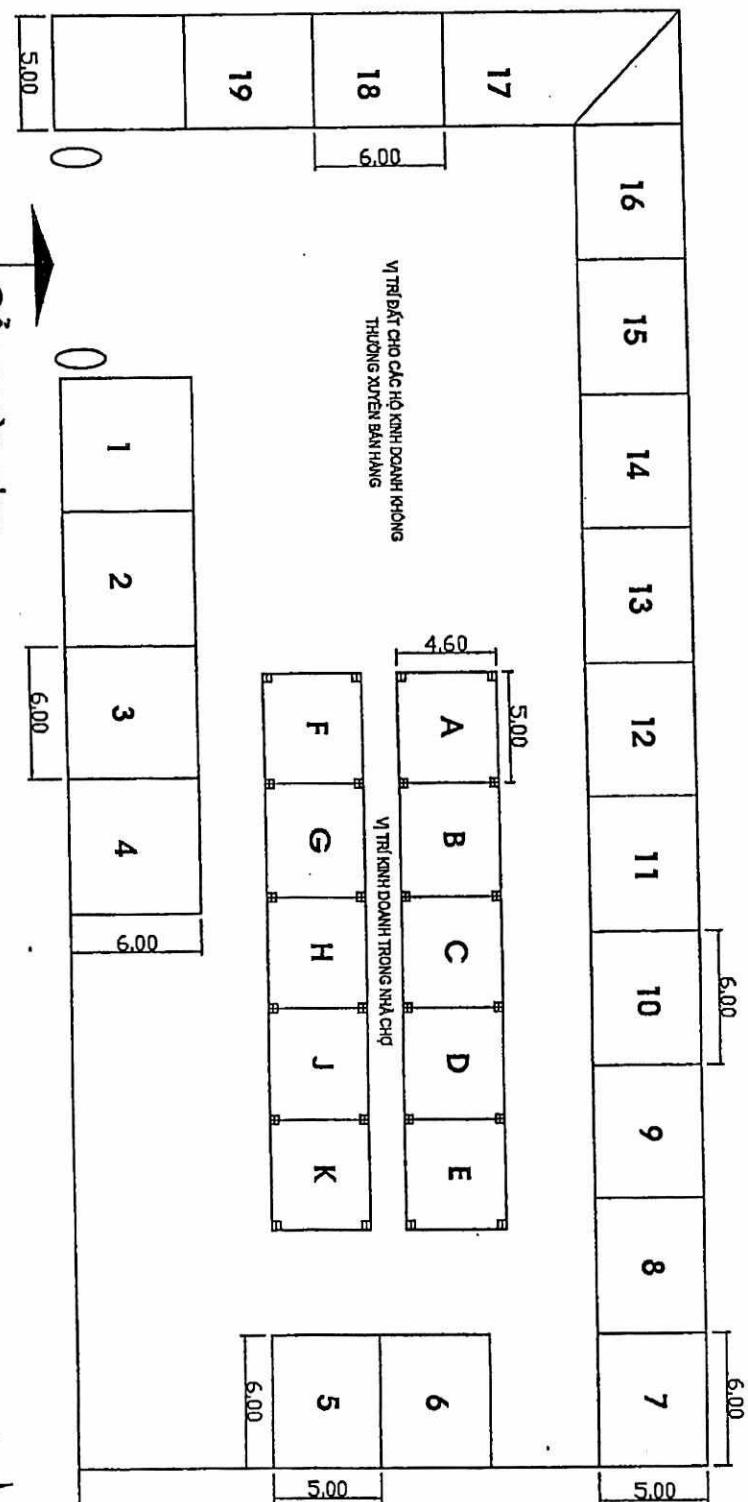
- ① : NÚI CHỢ CHÍNH
- ② : NÚI TRẠM BƠM
- ③ : BỂ NƯỚC 30m³
- ④ : NHÀ VỆ SINH & CHỖ
- ⑤ : SÀN XE TÔNG
- ⑥ : CỔNG VÀO



SƠ ĐỒ CHỢ TRUNG TÂM XÃ VÀNG MA CHẢI - HUYỆN PHONG THỔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /16 /2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đ/c UBND xã Vàng Ma Chải





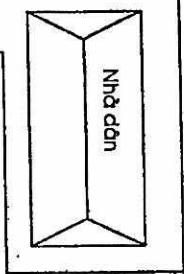
SƠ ĐỒ CHỢ TRUNG TÂM XÃ NAM XE - HUYỆN PHONG THỔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /16/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)

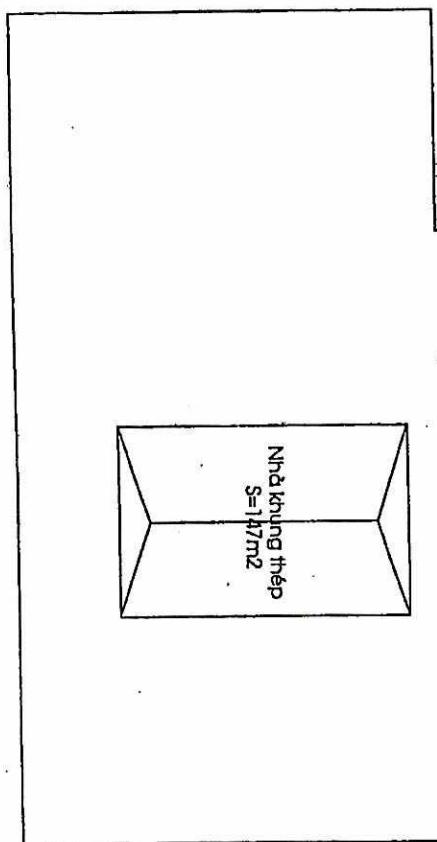
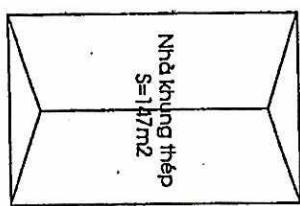
Đi xã Muồng So

Đi xã Thèn Sin

Cổng vào chợ

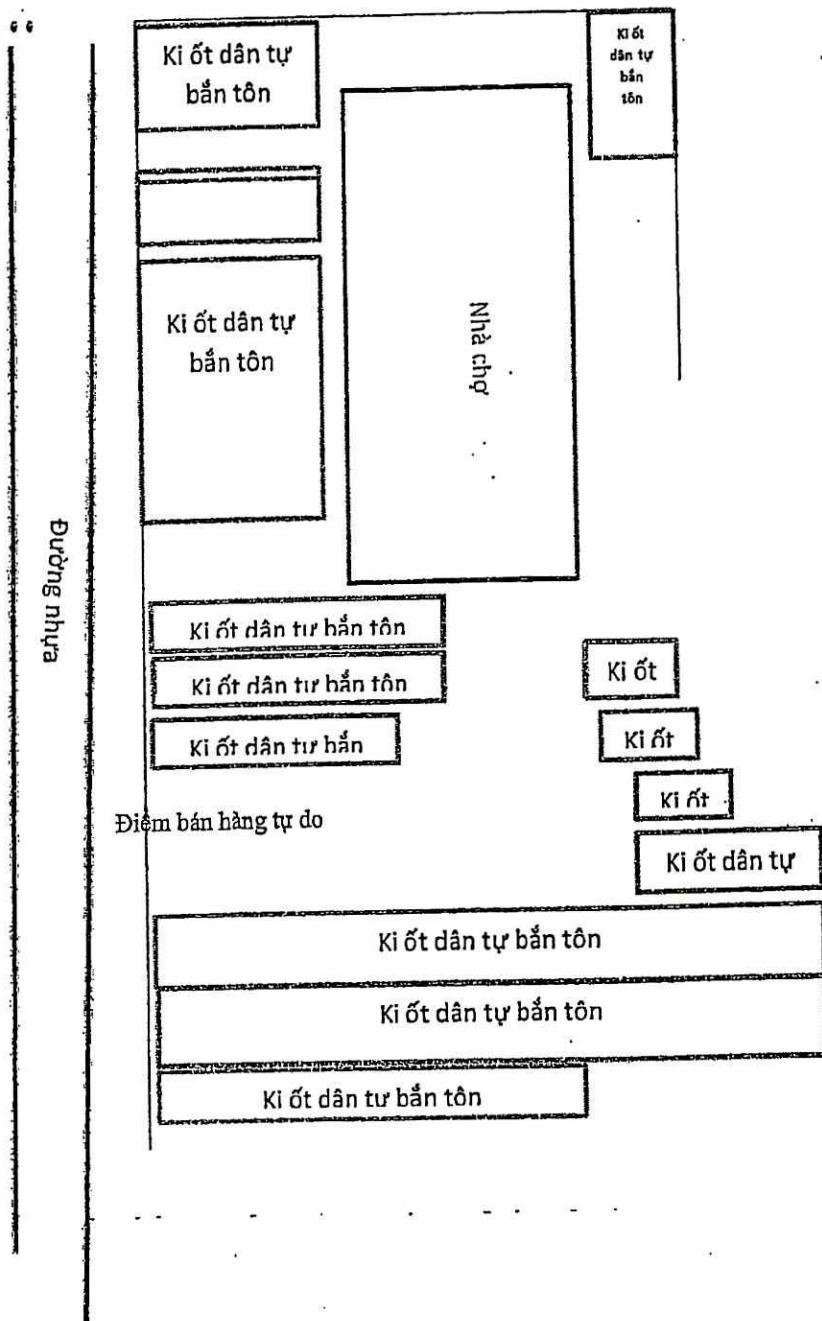


Vị trí cổng vào chợ
và nhà dân



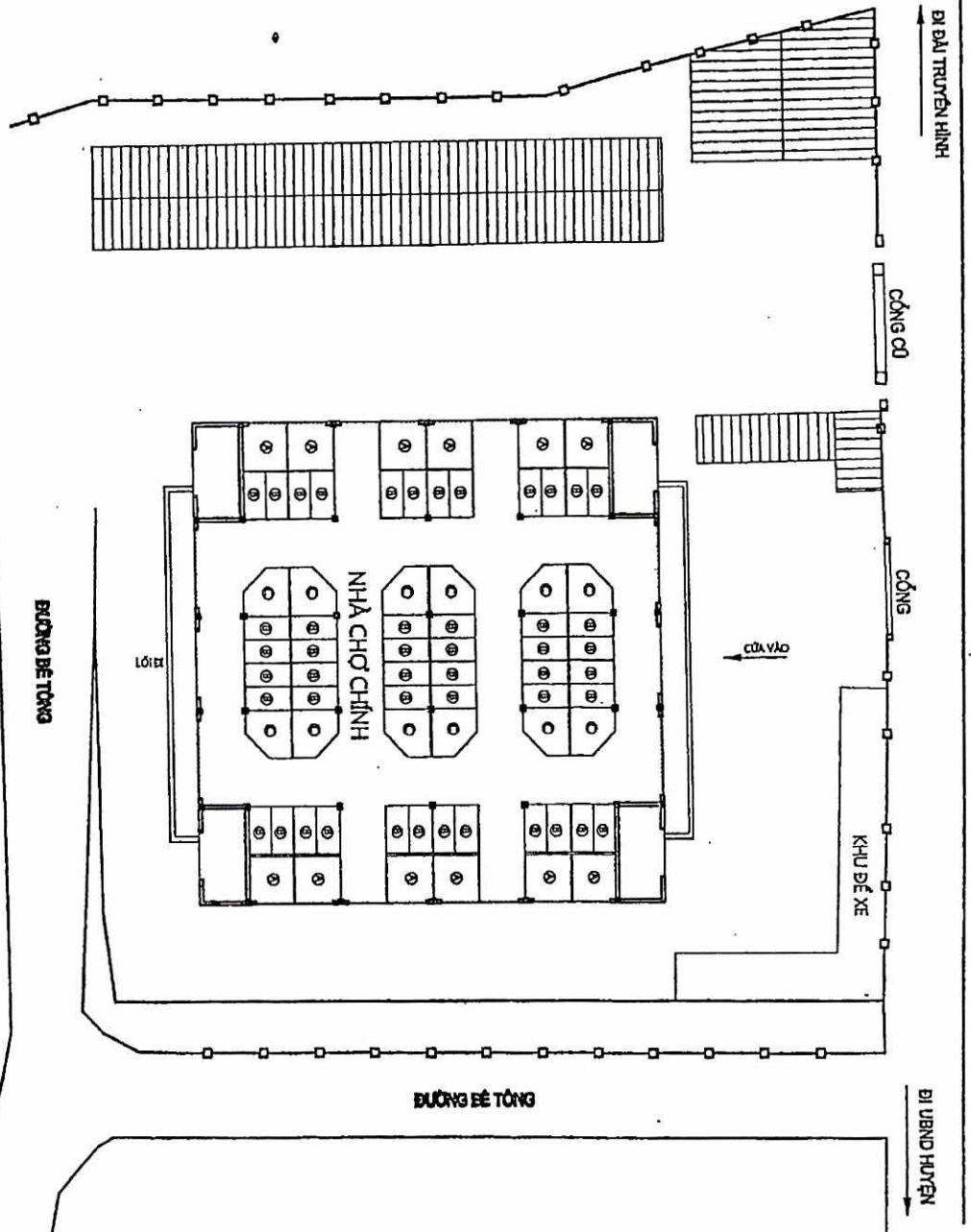
SƠ ĐỒ CHỌ SÌ LỞ LÀU - HUYỆN PHONG THỔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16./2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)





SƠ ĐỒ CHỢ THỊ TRẤN MƯỜNG TÈ - HUYỆN MƯỜNG TÈ
kèm theo Quyết định số 16./2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu





SƠ ĐỒ CHỢ ĐẦU MỐI TỈNH LAI CHÂU
(Bản hành kèm theo Quyết định số: 16./2021/QĐ-UBND ngày 18. tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)

PHÍA BẾN XE

CÔNG VÀO		CÔNG RA	
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12

CÔNG VÀO		CÔNG RA	
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12

CHỢ THỰC PHẨM

ĐƯỜNG 10.5M

CHỢ CHÍNH

ĐƯỜNG 30 THÁNG 4

GÓM

CÔNG CHÍNH		CÔNG VÀO	
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12

GÓM

CÔNG VÀO		CÔNG RA	
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12
KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12	KI OT 3,5 TẢNG SX12

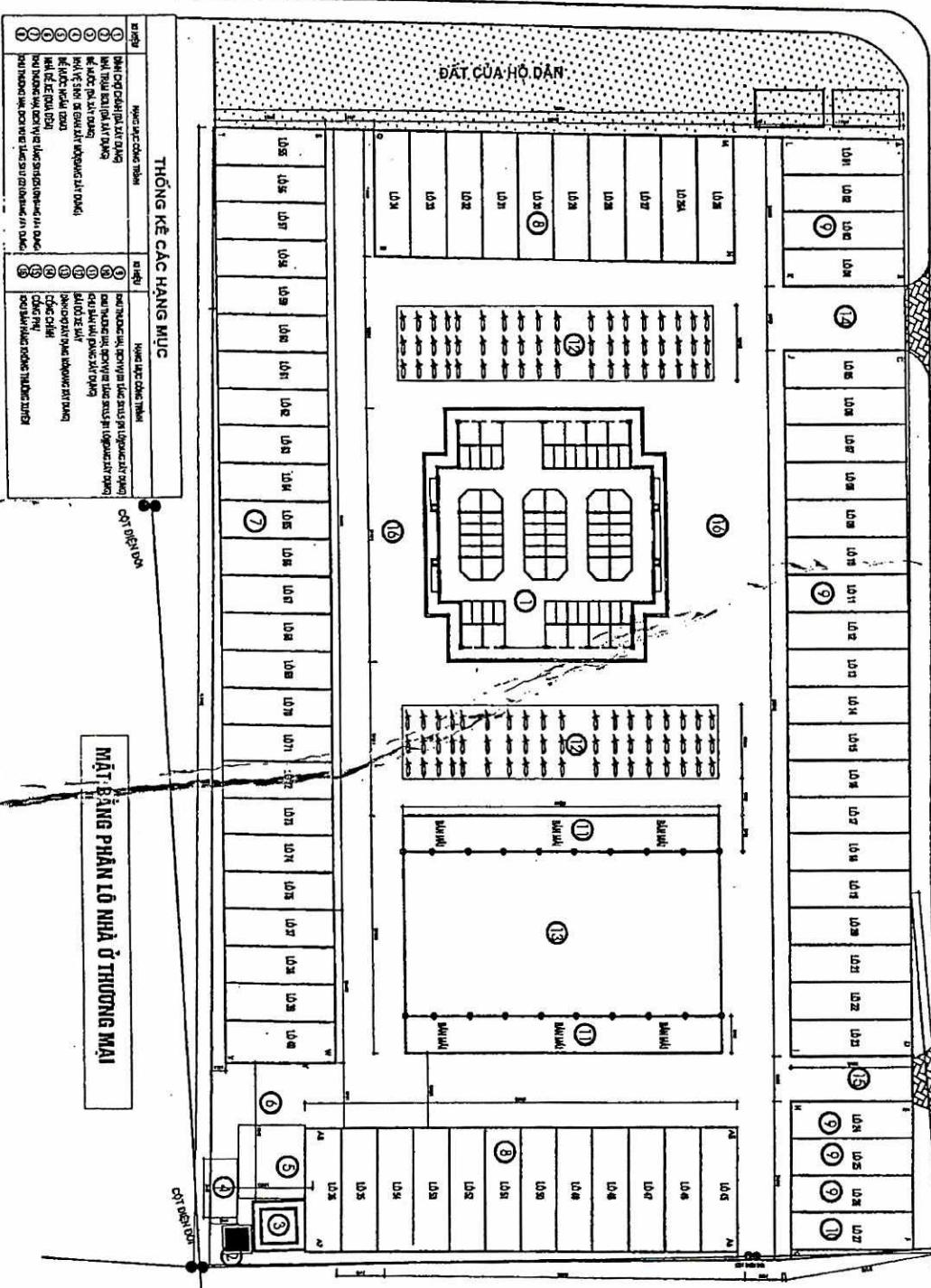
PHỐ TRẦN ĐẠI NGHĨA

SƠ ĐỒ CHỢ THỊ TRẤN MỚI - HUYỆN SÌN HỒ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/2021/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)

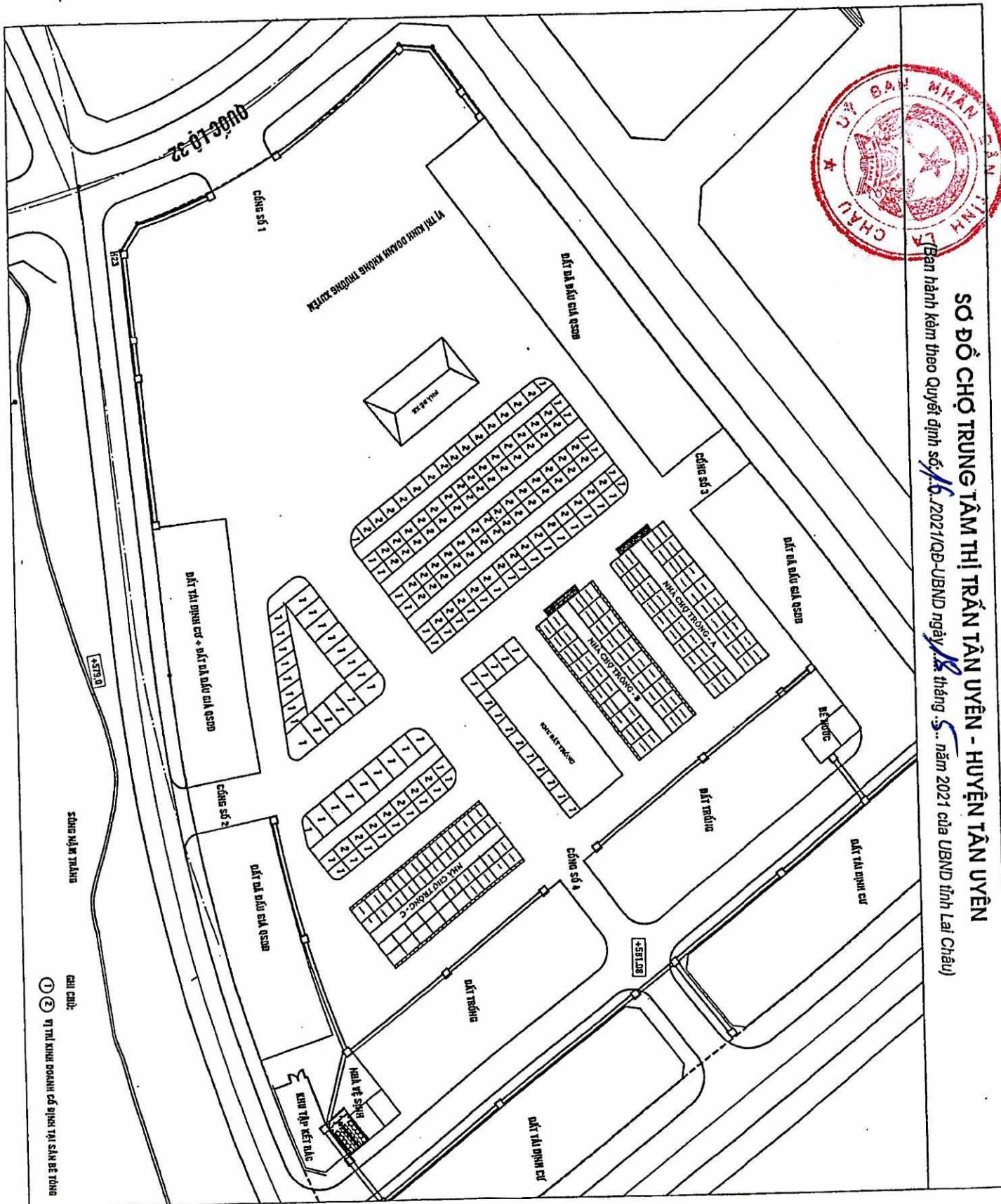


ĐƯỜNG B1 GIAI ĐOẠN 1



SƠ ĐỒ CHỢ TRUNG TÂM THỊ TRẤN TÂN UYÊN - HUYỆN TÂN UYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu)



Chí Chủ:
① ② VỊ TRÍ KINH DOANH CỔ BIỆT TẠI SÀN BẾ TỔNG

SƠ ĐỒ MẶT TRỜI

1:500